

Bản án số: 481/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 16-9-2020  
V/v tranh chấp ly hôn và chia tài  
sản chung của vợ chồng trong thời kỳ  
hôn nhân

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Hoài

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lâm Viên Đức.
2. Ông Lưu Bình Minh.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Tuyết - Thư ký Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Việt Anh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18/8 và 16/9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số 594/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30/7/2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18/8/2020, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1966; địa chỉ thường trú: đường QS, Phường MM, Quận MM, Thành phố H; địa chỉ liên lạc: đường BT, Phường MB, Quận MM, Thành phố H (có mặt).

***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1967; địa chỉ: đường QS, Phường MM, Quận MM, Thành phố H (có mặt).

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Ngọc Mỹ K, sinh năm 1994; địa chỉ: đường QS, Phường MM, Quận MM, Thành phố H (có mặt).
2. Bà Nguyễn Ngọc Thảo K, sinh năm 2000, địa chỉ: đường QS, Phường MM, Quận MM, Thành phố H (có mặt).
3. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1974; địa chỉ: đường L, Phường V, Quận MM (có mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Tại Đơn khởi kiện ngày 01/10/2018, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn là Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Bà Nguyễn Thị Kim L và Ông Nguyễn Ngọc H tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau hợp pháp theo Giấy chứng nhận kết hôn quyền số II do Ủy ban nhân dân phường N, Quận M, Thành phố H cấp ngày 09/12/1991.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do Ông Nguyễn Ngọc H có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài, gây tổn thương về mặt tâm L, tình cảm cho bà L và hai con. Tình cảm từ đó xa cách và không thể hàn gắn. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay, mỗi người làm việc của riêng mình. Nhận thấy tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục mối quan hệ hôn nhân nữa nên Bà Nguyễn Thị Kim L yêu cầu Tòa án cho ly hôn với Ông Nguyễn Ngọc H.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có hai con chung là Nguyễn Ngọc Mỹ K, sinh ngày 09/5/1994 và Nguyễn Ngọc Thảo K, sinh ngày 25/3/2000. Các con chung đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng có một tài sản chung là căn nhà số đường QS, Phường MM, Quận MM, Thành phố H (gọi tắt là căn nhà số 43 đường Quân Sự) do Bà Nguyễn Thị Kim L và Ông Nguyễn Ngọc H đứng tên chủ sở hữu theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số do Ủy ban nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/01/2009. Bà L yêu cầu Tòa án chia đôi tài sản chung, mỗi người được nhận 1/2 giá trị tài sản trên.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại Bản tự khai, các biên bản hòa giải, bị đơn Ông Nguyễn Ngọc H trình bày:

Vợ chồng chung sống hợp pháp từ năm 1991 và có 02 con chung như bà L trình bày. Ông H xác định không có mối quan hệ với phụ nữ khác bên ngoài như lời trình bày của bà L, do công việc phải làm ăn tiếp xúc nhiều người nên mối quan hệ của ông H nhiều chứ không có chuyện có người phụ nữ khác. Thời gian gần đây do công việc làm ăn gặp nhiều thua lỗ, đau bệnh, tiền bạc khó khăn nên vợ chồng mâu thuẫn. Tuy nhiên ông H xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, bà L yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý, đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ để vợ chồng hàn gắn tình cảm cùng chăm sóc các con.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có hai con chung là Nguyễn Ngọc Mỹ K, sinh ngày 09/5/1994 và Nguyễn Ngọc Thảo K, sinh ngày 25/3/2000. Các con chung đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng có những tài sản sau:

1. Nhà và đất tại địa chỉ đường ML, phường B, quận BT, Thành phố H;
2. Nhà và đất tại địa chỉ đường PA, phường B, quận BT, Thành phố H;
3. Nhà và đất tại địa chỉ đường QS, Phường MM, Quận MM, Thành phố H;

4. Một mảnh đất mặt tiền đường nhựa tương đương 6.000m<sup>2</sup> tại ấp TL, xã TT, huyện GT, tỉnh BT;

5. Một mảnh đất vườn bên trong tương đương 5.000m<sup>2</sup> tại ấp TL, xã TT, huyện GT, tỉnh BT, giáp ranh với đất của bà Nguyễn Thị Kim T.

6. Xe ô tô Innova-G, 7 chỗ, biển kiểm soát 51F-15758.

Tuy nhiên, ông H chỉ yêu cầu chia hai phần đất: một phần đất mặt tiền đường nhựa tương đương 6.000m<sup>2</sup> và một phần đất vườn bên trong tương đương 5.000m<sup>2</sup> cùng tọa lạc tại ấp TL, xã TT, huyện GT, tỉnh BT.

Về nợ chung: Vợ cH có vay của Bà Nguyễn Thị M; địa chỉ đường L, Phường V, Quận MM, Thành phố Hồ Chí Minh số tiền tổng cộng 02 lần là 1.750.000.000 đồng.

\* Tại Bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Ngọc Mỹ K và Nguyễn Ngọc Thảo K trình bày:

Bà Mỹ Kim và Thảo Kim là con chung của Ông Nguyễn Ngọc H và Bà Nguyễn Thị Kim L. Hiện tại đang sống chung tại địa chỉ đường QS, Phường MM, Quận MM, Thành phố H. Đối với yêu cầu của Bà Nguyễn Thị Kim L yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà nói trên, bà Mỹ Kim và Thảo Kim không có ý kiến gì, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Riêng đối với chiếc xe ô tô Innova-G, 7 chỗ, biển kiểm soát 51F-15758, bà Mỹ Kim trình bày đây là quà do cha mẹ tặng khi bà Kim đậu đại học. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do bà Kim nhưng tài sản thì hiện do ông H quản L. Bà Kim không đồng ý trả lại chiếc xe này và không yêu cầu ông H trả lại xe.

\* Tại Bản tự khai, biên bản hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà Nguyễn Thị M là chị của ông H nhưng do chiến tranh nên làm giấy tờ khai sinh lại nhỏ tuổi hơn ông H. Thấy hoàn cảnh gia đình ông H bị vợ con áp bức, hành hung nên vào các ngày 18/3/2017 và ngày 22/4/2017 bà M cho Ông Nguyễn Ngọc H và Bà Nguyễn Thị Kim L vay tổng số tiền là 1.750.000.000 đồng để chuộc giấy tờ nhà do bà L đang thế chấp tại ngân hàng. Lúc vay số tiền của bà M thì bà L biết, tuy nhiên chỉ có ông H đứng tên ký giấy vay tiền.

Nay bà M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H và bà L trả cho bà M số tiền nợ là 1.750.000.000 đồng.

\* Tại phiên tòa:

*Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Kim L* vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với Ông Nguyễn Ngọc H. Về con chung đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với tài sản chung của vợ cH, bà L yêu cầu được nhận  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản là nhà và đất tại địa chỉ đường QS, Phường MM, Quận MM, Thành phố H. Bà L đồng ý để ông H tiếp tục sử dụng, sở hữu căn nhà số đường QS, Phường MM, Quận MM, Thành phố H, yêu cầu ông H thanh toán lại phần chênh lệch trị giá  $\frac{1}{2}$  căn nhà cho bà L với số tiền theo Biên bản định giá ngày 04/6/2020 là

1.863.101.000 đồng (một tỷ tám trăm sáu mươi ba triệu một trăm lẻ một nghìn đồng) trong thời hạn 1 tháng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, bà L tự nguyện chịu.

Đối với yêu cầu của ông H chia các tài sản chung mà ông H đã trình bày là hoàn toàn không có. Tài sản chung của vợ chồng hiện chỉ còn có căn nhà nói trên bà L yêu cầu chia, còn lại các tài sản do ông H cung cấp là tài sản riêng của bà L.

Đối với yêu cầu đòi tiền của Bà Nguyễn Thị M thì bà L không đồng ý. Bà cho rằng việc ông H có vay nợ hay không, bà L không hề biết và ông H cũng không dùng tiền vay với mục đích lo cho nhu cầu thiết yếu của gia đình nên bà không đồng ý trả nợ cho bà M.

*Bị đơn Ông Nguyễn Ngọc H* vẫn không đồng ý ly hôn với Bà Nguyễn Thị Kim L, xin được đoàn tụ để chăm sóc cho con cái.

Về tài sản chung:

- Ông H không yêu cầu chia hai phần đất: một phần đất mặt tiền đường nhựa tương đương 6.000m<sup>2</sup> và một phần đất vườn bên trong tương đương 5.000m<sup>2</sup> cùng tọa lạc tại ấp TL, xã TT, huyện GT, tỉnh BT.

- Ông H xin lấy lại chiếc xe ô tô Innova-G, 7 chỗ, biển kiểm soát 51F-15758.

- Hiện nay ông H chỉ còn có căn nhà số 43 đường Quân Sự, ngoài ra không còn chỗ ở nào khác nên ông H yêu cầu được sở hữu toàn bộ căn nhà số 43 đường Quân Sự.

Về nợ chung: Ông H xác định chị M thấy hoàn cảnh gia đình ông H khó khăn nên ngày 18/3/2017 và ngày 22/4/2017 có cho ông H mượn tổng số tiền là 1.750.000.000đồng nên ông H yêu cầu bà L cùng có trách nhiệm trả khoản nợ 1.750.000.000đồng cho Bà Nguyễn Thị M.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Ngọc Mỹ K và Nguyễn Ngọc Thảo K* đã có bản tự khai và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị M* giữ nguyên ý kiến tại đơn yêu cầu độc lập, bản tự khai. Các biên bản thông báo thụ L vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bà M đã nhận được. Bà M đã được tổng đạt Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 151/TB-TA ngày 11/8/2020 nhưng không đồng ý nhận và không đóng tiền tạm ứng án phí cho yêu cầu độc lập của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đề nghị thẩm phán khắc phục vi phạm về việc chậm tổng đạt thông báo thụ L vụ án cho bị đơn; chậm đưa vụ án ra xét xử.

- Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn với Ông Nguyễn Ngọc H.

Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Căn nhà số 43 đường Quân Sự, Phường 11, Quận 11 là tài sản chung của Ông Nguyễn Ngọc H và Bà Nguyễn Thị Kim L trong thời kỳ hôn nhân. Ông H và bà L mỗi người được hưởng  $\frac{1}{2}$  giá trị nhà đất.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe đương sự có mặt tại phiên tòa trình bày, căn cứ vào nội dung tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị Kim L khởi kiện yêu cầu ly hôn và chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân đối với Ông Nguyễn Ngọc H nên đây là vụ án tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Ngọc H cư trú tại Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim L và Ông Nguyễn Ngọc H tự nguyện tìm hiểu và chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống, Ông Nguyễn Ngọc H có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài, gây tổn thương về mặt tâm lý, tình cảm cho bà L và hai con. Tình cảm từ đó xa cách và không thể hàn gắn. Bà L đã cung cấp cho Tòa án các chứng cứ về việc ông H có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ, không chung thủy. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay, mỗi người làm việc của riêng mình nên có yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Nguyễn Ngọc H xác định không có mối quan hệ với phụ nữ khác bên ngoài như lời trình bày của bà L, do công việc phải làm ăn tiếp xúc nhiều người, có nhiều mối quan hệ chứ không có chuyện có người phụ nữ khác. Tuy nhiên thời gian gần đây do công việc làm ăn gặp nhiều thua lỗ, đau bệnh, tiền bạc khó khăn nên vợ chồng mâu thuẫn. Tại đơn tố cáo ngày 29/8/2016, ông H gửi cho Cơ quan điều tra Công an Quận 11 cũng nêu *"Cách đây khoảng 2 tháng, tôi đi làm về không biết việc gì cả thì vợ tôi kiểm chuyện chủn mắng thô tục dùng những lời lẽ thiếu văn hóa. Đánh đuổi tôi ra khỏi nhà, quăng quần áo buộc tôi phải ra khỏi nhà, và còn nhục mạ tôi đủ điều. Nếu tôi không ra khỏi nhà thì vợ tôi sẽ đâm tôi chết và bỏ thuốc độc vào thức ăn của tôi hoặc giết tôi khi tôi ngủ ... Tôi không đi thì vợ tôi nhào vô đánh tôi và xách dao chém tôi, đánh tôi đến phun máu đầu..."*. Tại phiên tòa hôm nay, bà M khai là người thân thích với gia đình ông H cũng từng chứng kiến sự việc như đơn tố cáo;

đơn yêu cầu độc lập ngày 28/7/2020, bà M cũng nêu "vợ và con ông H gây áp lực hành hung, đánh ông H u đầu, đổ máu, xô xuống cầu thang và còn đòi giết ông H, không cho về nhà..." Do đó, có thể thấy được mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H và bà L là rất trầm trọng, nếu kéo dài có thể gây nguy hiểm đến sức khỏe, tính mạng của ông H. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được" để chấp nhận yêu cầu của Bà Nguyễn Thị Kim L về việc ly hôn với Ông Nguyễn Ngọc H.

Yêu cầu hòa giải đoàn tụ để vợ chồng hàn gắn và chăm sóc các con của ông H, Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng của ông H thật sự không còn, mâu thuẫn khá trầm trọng đã dẫn đến xô xát theo như lời khai của ông H, các con của ông H đã trưởng thành nên yêu cầu hòa giải đoàn tụ của ông H không được chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Vợ chồng sống có hai con chung là Nguyễn Ngọc Mỹ K, sinh ngày 09/5/1994 và Nguyễn Ngọc Thảo K, sinh ngày 25/3/2000. Các con chung đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung:

3.3.1 Đối với yêu cầu chia tài sản chung của Bà Nguyễn Thị Kim L là Nhà và đất tại địa chỉ số đường QS, Phường MM, Quận MM, Thành phố H. Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số do Ủy ban nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/01/2009, lời khai của các đương sự, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định đây là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Về phương án phân chia: Bà L và ông H đều xác nhận công sức đóng góp của mỗi người vào khối tài sản này là như nhau. Bà L xác định hiện đã dọn ra ở riêng cùng với các con tại địa chỉ đường BT, Phường MB, Quận MM, Thành phố H. Bà L yêu cầu nhận  $\frac{1}{2}$  giá trị nhà và đất, đồng ý giao căn nhà cho ông H sở hữu, sử dụng, ông H có trách nhiệm thanh toán phần giá trị chênh lệch lại cho bà L.

Về giá trị căn nhà: Bà L đề nghị căn cứ theo Biên bản định giá ngày 04/6/2020 là 3.726.202.000 (ba tỷ bảy trăm hai mươi sáu triệu hai trăm lẻ hai nghìn) đồng. Bà L sẽ được nhận  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản là 1.863.101.000 (một tỷ tám trăm sáu mươi ba triệu một trăm lẻ một nghìn) đồng. Ông H không đồng ý với giá nhà theo Biên bản định giá ngày 04/6/2020 nhưng ông H không làm đơn yêu cầu định giá hay thẩm định giá nhà lại; do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Biên bản định giá ngày 04/6/2020 để chia tài sản chung của vợ chồng.

Hội đồng xét xử căn cứ lời khai và trên cơ sở tự nguyện của bà L nên áp dụng Điều 59, Điều 62 Luật Hôn nhân và Gia đình: Cần giao toàn bộ nhà đất tại địa chỉ số đường QS, Phường MM, Quận MM, Thành phố H cho Ông Nguyễn Ngọc H quản lý, sở hữu, sử dụng. Ông Nguyễn Ngọc H có nghĩa vụ trả cho Bà Nguyễn Thị Kim L  $\frac{1}{2}$  chênh lệch về tài sản mà bà L được hưởng là 1.863.101.000 (một tỷ tám trăm sáu mươi ba triệu một trăm lẻ một nghìn) đồng.

### 3.3.2 Đối với yêu cầu chia tài sản chung của Ông Nguyễn Ngọc H:

Ngày 01/7/2019, Ông Nguyễn Ngọc H có đơn đề nghị chia tài sản chung là 02 căn nhà và thửa đất tại Tận Lợi, xã Tân Thanh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Tòa án nhân dân Quận 11 đã ra Thông báo đóng tiền tạm ứng án phí số 256 ngày 03/7/2019 cho ông H nhưng ông không đóng với L do hoàn cảnh khó khăn và số tiền quá lớn nên ông H không có khả năng đóng và chưa đóng (tại Biên bản hòa giải ngày 22/10/2019). Ngày 12/8/2020, ông H lại nộp đơn phản tố đề ngày 10/8/2020 yêu cầu chia tài sản chung, Hội đồng xét xử xét thấy ông H nộp đơn sau khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay rút yêu cầu chia phần đất tại tỉnh Bến Tre nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ông Nguyễn Ngọc H có quyền khởi kiện về việc chia tài sản chung bằng một vụ kiện khác theo quy định của pháp luật.

#### [3.4] Về nợ chung:

Bà Nguyễn Thị Kim L xác nhận vợ cH không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Nguyễn Ngọc H cho rằng vợ cH có nợ của Bà Nguyễn Thị M số tiền 1.750.000.000 đồng. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 7 Thông tư liên tịch 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 để giải quyết về nợ chung của vợ cH.

Ngày 28/7/2020, Bà Nguyễn Thị M có đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L và ông H liên đới chịu trách nhiệm trả cho bà số tiền 1.750.000.000 đồng theo các Giấy nhận vay tiền ngày 18/3/2017 và ngày 22/4/2017. Ngày 30/7/2020, Tòa án ban hành Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 341/TB-TA cho bà M. Ngày 10/8/2020, bà M nộp đơn xin miễn giảm án phí, Tòa án xét thấy bà M không thuộc trường hợp được miễn án phí nên đã giảm số tiền tạm ứng án phí theo quy định và ra Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 151/TB-TA ngày 11/8/2020 cho bà M. Tại phiên tòa ngày 18/8/2020, bà M không đồng ý nhận thông báo với L do nếu nhận cũng không có tiền đóng tiền tạm ứng án phí. Hội đồng xét xử xét thấy bà M không nộp án phí theo quy định nên căn cứ điểm d khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự trả lại đơn yêu cầu độc lập cho bà M. Bà M có thể khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông H, bà L bằng một vụ kiện khác.

#### [4] Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng; án phí chia tài sản chung là 67.893.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng bà L đã tạm nộp án phí theo Biên lai thu số AA/2016/0009353 ngày 20/11/2018 và số tiền 24.750.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0009354 ngày 20/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L còn phải nộp số tiền 43.143.000 đồng.

Ông Nguyễn Ngọc H phải chịu án phí chia tài sản chung 67.893.000 đồng.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị Kim L tự nguyện chịu.

[5] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157, Điều 165, Điều 217, Điều 244, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 210, 213, 219. 357 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 27, Khoản 1 Điều 33, 37, 51, 59, 60, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu của Bà Nguyễn Thị Kim L.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim L được ly hôn với Ông Nguyễn Ngọc H.

Giấy chứng nhận kết hôn quyền số II do Ủy ban nhân dân phường N, Quận M, Thành phố H cấp ngày 09/12/1991 không còn giá trị pháp L.

Về con chung: Có hai con chung là Nguyễn Ngọc Mỹ K, sinh ngày 09/5/1994 và Nguyễn Ngọc Thảo K, sinh ngày 25/3/2000. Các con chung đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung:

Ông Nguyễn Ngọc H được quyền sở hữu, sử dụng căn nhà số đường QS, Phường MM, Quận MM, Thành phố H.

Buộc Ông Nguyễn Ngọc H có nghĩa vụ thanh toán lại cho Bà Nguyễn Thị Kim L  $\frac{1}{2}$  giá trị nhà và đất tại địa chỉ số đường QS, Phường MM, Quận MM, Thành phố H là 1.863.101.000 đồng (một tỷ tám trăm sáu mươi ba triệu một trăm lẻ một nghìn đồng) ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì hàng tháng phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về nợ chung: Trả lại đơn yêu cầu độc lập cho Bà Nguyễn Thị M. Bà M có thể khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông H, bà L bằng một vụ kiện khác.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng; 67.893.000 đồng án phí chia tài sản chung, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng bà L đã tạm nộp án phí theo biên lai thu số AA/2016/0009353 ngày 20/11/2018 và số tiền 24.750.000 đồng theo Biên lai thu



tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0009354 ngày 20/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L còn phải nộp số tiền 43.143.000 (bốn mươi ba triệu một trăm bốn mươi ba nghìn) đồng.

Ông Nguyễn Ngọc H phải chịu án phí chia tài sản chung 67.893.000 (sáu mươi bảy triệu tám trăm chín mươi ba nghìn) đồng.

3. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- UBND phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Hoài**